UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN HƯNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1745/QĐ-UBND	*Tân Hưng, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của xã Tân Hưng

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã: số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 về phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2026; số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 về kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Tân Hưng: số 1508/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026; 1509/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số: 273/TTr-KT ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của xã Tân Hưng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng HĐND- UBND có trách nhiệm công khai Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử xã Tân Hưng.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND xã; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Quốc Trân

Biểu số 108/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1745 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG THU	Dự toán	NỘI DUNG CHI	Dự toán
TỔNG SỐ THU	**315.158.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**315.158.000**
I. Các khoản thu ngân sách hưởng 100%	3.954.640	I. Chi đầu tư phát triển	100.000.000
II. Thu ngân sách thành phố hưởng từ các khoản thu phân chia	104.314.360	II. Chi thường xuyên	209.583.000
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	206.889.000	III. Dự phòng ngân sách	5.575.000
1 Thu bổ sung cân đối	169.221.000		
2 Thu bổ sung có mục tiêu	37.668.000		
IV. Thu chuyển nguồn	0		

Biểu số 109/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1745 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**374.774.264**	**315.158.000**
I	**Thu nội địa**	**167.885.264**	**108.269.000**
1	Thuế GTGT của hộ cá thể	2.400.000	2.400.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400.000	400.000
3	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	75.000	75.000
4	Thu phí và lệ phí	51.640	51.640
5	Thu hoa lợi công sản tại xã	210.000	210.000
6	Thu khác ngân sách	68.000	68.000
7	Thuế thu nhập cá nhân	8.221.800	2.244.360
7.1	*Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản*	7.471.800	1.494.360
7.2	*Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân*	750.000	750.000
8	Thu tiền sử dụng đất	147.058.824	100.000.000
8.1	*Dự án do xã làm chủ đầu tư*	147.058.824	100.000.000
9	Lệ phí trước bạ	9.400.000	2.820.000
9.1	*Lệ phí trước bạ nhà đất*	2.100.000	630.000
9.2	*Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác*	7.300.000	2.190.000
II	**Thu viện trợ**		
III	**Thu chuyển nguồn**		
IV	**Thu kết dư**		
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**206.889.000**	**206.889.000**
1	Thu bổ sung cân đối	169.221.000	169.221.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	37.668.000	37.668.000

Biểu số 110/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1745 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
	TỔNG CHI	**315.158.000**	**100.000.000**	**215.158.000**
	Trong đó:			
1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	92.527.964	3.604.964	88.923.000
2	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.077.000		1.077.000
3	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	12.042.000		12.042.000
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình	3.499.249	2.246.105	1.253.144
5	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.220.000		1.220.000
6	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	39.271.000		39.271.000
7	Các hoạt động kinh tế	102.847.731	88.742.731	14.105.000
8	Quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	35.814.056	906.200	34.907.856
9	Chi khác	861.000		861.000
10	Dự phòng	5.575.000		5.575.000

Biểu số 111/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1745 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (*)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	5	6	7	9	10	11	12	13
	Tổng cộng				-	**135.508.947.122**	**100.000.000.000**	-	-	
1	**An ninh**					**5.300.000.000**	**4.500.000.000**			
1.1	Xây dựng trụ sở Công an xã Phương Chiểu	8063505	Số 192/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	11.719.191.000	-	5.300.000.000	4.500.000.000			
2	**Ngành, lĩnh vực giáo dục-đào tạo và dạy nghề**					**13.201.086.000**	**3.604.964.000**			
2.1	Công trình phụ trợ trường mầm non thôn Quyết Thắng	8156619	Số 66/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	500.000.000		439.402.000	60.598.000			
2.2	Nhà lớp học 10 phòng trường THCS Tân Hưng	7603100	Số 7703/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	2.001.155.000		1.978.684.000	22.471.000			
2.3	Công trình tu sửa 6 phòng học 2 tầng và nhà Hiệu bộ trường Tiểu học	7594716	Số 176/QĐ-UBND ngày 30/01/2020	3.231.324.000		1.970.000.000	1.261.324.000			
2.4	Mua sắm trang thiết bị cho trường mầm non của UBND xã Thủ Sỹ	7919116	Số 99/QĐ-UBND ngày 7/7/2022	1.100.752.000		900.000.000	200.752.000			
2.5	Nhà lớp học 2T -6P và công trình phụ trợ Trường Mầm Non thôn Tất Viên xã Thủ Sỹ	7748184	Số 211/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	9.972.819.000		7.913.000.000	2.059.819.000			
3	**Ngành, lĩnh vực văn hóa thông tin**					**7.284.560.582**	**2.246.105.000**			
3.1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trần Phú xã Tân Hưng	7993370	Số 190/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	2.652.535.582		2.125.235.582	527.300.000			
3.2	Nhà văn hoá thôn Vân Tiêu	7633765	Số 2393/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	1.051.681.000		967.750.000	83.931.000			
3.3	Nhà văn hoá thôn Minh Khai	7633764	Số 2544/QĐ-UBND ngày 07/6/2017	1.089.404.000		954.530.000	134.874.000			
3.4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lê Lợi xã Tân Hưng	7993323	Số 1622/QĐ-UBND ngày 4/11/2022	3.671.904.000		3.237.045.000	1.500.000.000			

STT	Nội dung	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (*)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	5	6	7	9	10	11	12	13
4	**Ngành, lĩnh vực hoạt động kinh tế**					**102.454.252.540**	**88.492.731.000**			
4.1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng (Đường trong khu vực trồng nhãn theo tiêu chuẩn VietGap)	7727166	Số 480/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	3.325.691.000		3.316.618.000	9.010.000			
4.2	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng đoạn từ Trạm bơm Tất viên đến nhà ông Đôn	7904842	Số 93/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	5.810.841.000		4.000.000.000	1.810.841.000			
4.3	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phương Chiểu, đoạn từ nhà ông Bền đến đầu đường Hạ Đoạn	7819563	Số 170/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	2.541.046.552		2.508.518.552	84.463.000			
4.4	Cải tạo nâng cấp 02 tuyến đường GT nội đồng xã Phương Chiểu(đoạn 1 từ cống Tha ma cả đến sông Cầu Tre nối tiếp điểm cuối đường Thầy; đoạn 2 từ thôn Phương Thượng đến điểm cuối trạm bơm Cống Vân)	7888029	Số 139/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	2.475.295.000		2.246.000.000	229.295.000			
4.5	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Phương Chiểu, TP Hưng Yên đoạn từ Trạm y tế xã đến khu dân cư xóm 9 thôn Phương Thông	8044317	Số 183/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	14.613.039.912		13.426.361.773	1.186.678.139			
4.6	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà Bà Sắn ra sông chữ Đinh	8103428	Số 231/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	11.500.000.000		5.700.000.000	5.800.000.000			
4.7	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Phương Chiểu	7950851	Số 109QĐ-UBND ngày 02/06/2022	7.654.250.000		5.500.000.000	1.169.250.000			
4.8	Cải tạo nâng cấp đường trục chính sau làng thôn Phương Trung, Phương Thượng xã Phương Chiểu	7991837	Số 284/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	13.571.264.000		8.098.697.945	2.172.566.055			
4.9	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà ông Minh xóm 2 đến đường thầy; đoạn từ tham Ma Cả đến nhà ông Tài xóm 2	'8104420	Số 06a/QĐ-UBND ngày 09/01/2025	5.226.355.000		426.723.000	1.462.362.000			

STT	Nội dung	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (*)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	5	6	7	9	10	11	12	13
4.10	Cải tạo một số tuyến đường xã Phương Chiểu, tuyến 1 từ nhà ông Đào Văn Huân đến nhà ông Vũ Văn Lượng; tuyến 2 từ nhà ông Lê Văn Lộc đến nhà ông Vũ Văn Cường	8018146	Số 232/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	9.249.123.687		6.500.000.000	2.749.123.687			
4.11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thôn liên thôn xã Tân Hưng, TP. Hưng Yên (Đường GTNT đoạn từ dốc Lê Lợi đến dốc đê Quang Trung	7902164	Số 431/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	8.581.528.000		6.833.050.000	1.748.478.000			
4.12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng, TP. Hưng Yên (đoạn từ dốc đầu đường thôn Quyết Thắng đến nhà ông Lạp)	7898936	Số 458/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	12.191.609.909		5.934.447.000	6.257.162.909			
4.13	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường xã Phương Chiểu (Tuyến 1: Từ nhà ông Vũ Văn Quang đến Lăng Mộ Thượng tướng Quân Doãn Nỗ; Tuyến 2: Từ nhà ông Nguyễn Văn Cảnh đến cống Chùa Miễu;Tuyến 3: Từ QL.39 đến đầu cống Hạ Đoạn xóm 9 thôn Phương Thông)	8018145	Số 233/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	11.281.740.125		6.500.000.000	4.781.740.125			
4.14	Kiên cố hoá kênh mương đoạn từ Đình Cả đến cống bà Kinh	7641728	Số 2811/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	4.470.758.000		4.165.635.000	305.123.000		-	
4.15	Tuyến đường ra đồng thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng	7728658	Số 2915/QĐ-UBND ngày 03/12/2018	1.200.000.000		1.154.448.000	45.552.000			
4.16	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Tân Hưng (tuyến 1: từ ruộng thôn Lê Lợi đến nhà ông Thái thôn Tiền Phong; tuyến 2: đoạn từ nhà ông Đồng ra bãi sông con thôn Quyết Thắng);	7967013	Số 1513/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	1.046.809.000		977.676.109	46.809.000			
4.17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cả đến nhà bà Thận thôn Tiền Phong)	7961671	Số 4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	9.800.000.000		8.256.805.690	1.543.194.310		-	

STT	Nội dung	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (*)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	5	6	7	9	10	11	12	13
4.18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thôn nội đồng xã Tân Hưng (đoạn từ đầu bãi sông con đến kênh mương giáp xã Thủ Sỹ	8047879	Số 129/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	2.128.516.000		900.000.000	1.228.516.000			
4.19	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Tân Hưng (Đoạn từ nhà bà Tỏ đến nhà ông Thao)	8103431	Số 264/QĐ-UBND ngày 08/9/2024	1.450.000.000		700.000.000	750.000.000			
4.20	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Tân Hưng (Đoạn từ ngã ba nhà ông Dương đến đường Quai vạc thôn Viên Tiêu	8094562	Số 1350/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	758.467.000		700.000.000	58.467.000			
4.21	Cải tạo, nâng cấp đường GT ra đồng thôn Tiền Phong, xã Tân Hưng (Đoạn từ đường liên thôn đi Tha ma Ba Sào Chợ)	8103431	Số 1927/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	742.284.000		687.936.690	42.284.000			
4.22	Cải tạo nân cấp đường GTNT xã Thủ SỸ (Đoạn từ ĐH 72 vào trường mầm non và nhà văn hóa thôn Tất Viên)	8094562	Số 126/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	1.117.631.000		887.000.000	230.631.000			
4.23	Cải tạo nâng cấp đường nội đồng xã Thủ SỸ đoạn từ đường nối cao tốc (tam Cao) đến giáp Liên Phương	8102378	Số 174/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.100.000.000		1.500.000.000	600.000.000			
4.24	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phương Chiểu (đoạn từ ruộng nhà ông Bảo đến kênh chữ Đinh)	8032323	Số 176/QĐ-UBND ngày 30/01/2020	2.572.943.000		1.700.000.000	872.943.000			
4.25	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Thủ Sỹ đoạn từ ĐH 72 đến sông Tân An	7906579	Số 61/QĐ-UBBND ngày 06/02/2021	3.452.329.000		1.000.000.000	2.452.329.000			
4.26	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Hồng Nam (Đoạn từ ruộng nhà anh Hanh đến ruộng nhà bà Châu)	8124853	Số 68/NQ-HĐND ngày 14/6/2024	750.000.000		651.683.781	50.000.000			
4.27	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng từ ruộng nhà ông Thân lên ruộng nhà ông Lẫm xã Phương Chiểu	8127363	Số 218/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.688.092.000		700.000.000	988.092.000			
4.28	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (đoạn từ ĐH.72 đến ruộng ông Bính)	8007880	Số 2396/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	1.771.569.000		1.200.000.000	300.000.000			

STT	Nội dung	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (*)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
				Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	5	6	7	9	10	11	12	13
4.29	Xây dựng HTKT khu dân cư mới để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	7975584	Số 1574/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	14.990.000.000			8.000.000.000			
4.30	Đường giao thông xã Tân Hưng (Đoạn từ nhà máy gạch đến đường nối hai đường cao tốc)	8154458	Số 3683/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	35.200.000.000			8.500.000.000			
4.31	Xây dựng đường giao thông từ đường Đình Chay đến đường Dõng, xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên	8166285	Số 143/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	14.660.000.000			3.017.820.775		"	
4.32	XD cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (phía Tây khu tái định cư phục vụ QPMB dự án xây dựng cầu Hưng Hà)	7972795	Số 162/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	37.571.955.000		6.282.651.000	13.000.000.000			
4.33	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ	7697708	Số 2247/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	29.000.000.000			13.000.000.000			
4.34	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hồng Nam (Hạng mục san nền; nền mặt đường; vỉa hè; thoát nước)	7950066	Số 46/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	14.936.915.000			4.000.000.000		"	
5	**Ngành, lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**					**7.269.048.000**	**906.200.000**			
5.1	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND -UBND xã Phương Chiểu	8048435	Số 138/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	6.832.143.000		6.228.505.000	585.638.000			
5.2	Cải tạo, sửa chữa các công trình phụ trợ trụ sở làm việc xã Thủ Sỹ	7905330	Số 132/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	635.105.000		540.543.000	94.562.000			
5.3	Quy hoạch chung xây dựng xã Thủ sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.	8081234	Số 277/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	726.000.000		500.000.000	226.000.000		"	
6	**Ủy thác ngân hàng chính sách xã hội**			**250.000.000**			**250.000.000**			